

## Thành Ngữ - Tục Ngữ Việt Nam



"Dao có mài mới sắc, người có học mới nên"

### 48. Gió táp mưa sa:

Thành ngữ này có 2 nghĩa : nghĩa hẹp chỉ sự vất vả ở đời. Nhưng trong văn học, gió táp mưa sa lại dùng để chỉ người có tài làm câu thơ, tứ thơ đều nhanh như gió mưa do câu Phong vũ thôi thi tứ (tứ thơ đầy đến ào ạt như gió mưa).

*Tay tiên gió táp mưa sa  
Khoảng trên dừng bút thảo và bốn câu.*  
(Truyện Kiều)

### 49. Gương vỡ lại lành:

Thành ngữ này nói ý hàn gắn, đoàn tụ, sự thay đổi từ xấu thành tốt trong đời sống. Điển tích xưa chép câu chuyện như sau : Từ Đức Ngôn yêu công chúa Nhạc Xương nhưng vì loạn lạc, hai người phải xa nhau. Họ bẻ đôi chiếc gương, mỗi người giữ một nửa. Về sau, Đức Ngôn lên kinh đô, thấy có người bán mảnh gương vỡ. Nhờ manh mối đó, Đức Ngôn đã tìm được người yêu, hai mảnh ghép lại thành gương cũ.

*Bây giờ gương vỡ lại lành  
Khôn thiêng lữa lọc đã đành có nơi.*  
(Truyện Kiều)  
*Đời ta gương vỡ lại lành  
Cây khô cây lại đâm cành nở hoa.*  
(Tố Hữu)

### 50. Học ăn, học nói, học gói, học mở:

Đây là câu thành ngữ khuyên mọi người phải học cách đối xử ở đời để trở nên người có văn hóa. Ăn cũng phải học ăn như "Ăn trông nồi ngồi trông hướng". Đối với trẻ, khi ăn không nên khua bát khua đũa. Nhiều trẻ khi nhai cứ nhồm nhoàm hoặc tạo ra tiếng chồm chộp vì nhai hai hàm một lúc, hàm trên bập xuống hàm dưới tạo thành tiếng kêu. Cần tập cho trẻ chỉ dùng một hàm khi nhai. Nói cũng phải học để biết cách xưng hô nói năng lễ phép, lịch sự. "Lời nói chẳng mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau". Ngày nay, ta thường gặp nhiều cô cậu ăn mặc diện nhưng nói rất tục. Chỉ nghe qua lời nói ta đã biết là loại vô văn hóa. Học gói học mở theo phép lịch sự ở đất kinh Kỳ cũng rất khó. Ở đất Hà Nội xưa, một số gia đình giàu sang thường gói nước chấm vào lá chuối xanh đặt vào cái chén xinh bày lên mâm cỗ. Người gói phải khéo tay mới gói được và người ngồi ăn cũng phải biết cách mở để khỏi bật tung nước chấm ra mâm... Ngày nay, gói bánh chưng đã mấy người biết gói cho đẹp để bánh cao thành sắc cạnh và mở bánh (bóc bánh) chưng cũng phải học mới khéo được. Có người còn hiểu rộng câu trên, cho rằng mở và gói khó nhất là khi làm văn:

*Văn hay chẳng lọ là dài  
Mới đọc mở bài đã biết văn hay.*

Còn góí bài văn (kết luận) thế nào để người đọc còn thấy dư âm và gây ấn tượng sâu không phải dễ.

**51. Kẻ ăn rươi, người chịu bão:**

Hằng năm, cứ khoảng tháng chín âm lịch, các ruộng nước chua mặn ở miền biển có giống rươi nổi lên. Người ta hót rươi về làm thức ăn (chả rươi, mắm rươi). Nhưng mùa này cũng hay có bão làm thiệt hại. (cũng có người giải thích, mùa này trời nên dễ đau lưng đau bão). Câu này nói lên sự không công bằng: kẻ được ăn, người chịu vạ lây.

**52. Kẻ tám lạng, người nửa cân:**

Cân và lạng ở đây là loại cân cũ của ta. Một cân có 16 lạng (tương đương 605 gam) và một lạng bằng một phần mười sáu cân tương đương với 37,8 gam. Vì vậy nếu cân bằng cân ta thì nửa cân là tám lạng, tám lạng là nửa cân. Thành ngữ này trong tiếng Việt thường chỉ sự so sánh tương đương lực lượng giữa hai phe, hai đấu thủ trong cuộc đọ sức thì bằng nhau, không ai kém ai.

**53. Kết cò ngậm vành:**

Thành ngữ này chỉ sự báo đền công ơn:

*Dám nhờ cốt nhục tử sinh  
Còn nhiều kết cò ngậm vành về sau*  
(Truyện Kiều)

Đây là hai điển tích xưa của Trung Quốc.

– Ông Ngụy Thủ đời Tần có nhiều vợ lẽ đẹp. Theo phong tục nước Tần, hễ chồng chết thì vợ lẽ phải chôn theo chồng. Nhưng Ngụy Khảo, con trai của Ngụy Thủ có lòng nhân đạo nên không theo tục lệ đó. Sau Ngụy Khảo nên làm tướng nước Tần, đánh nhau với nước Tấn. Bên Tấn có tướng Đỗ Hôi rất giỏi. Hôm đó, đang đánh nhau thì ngựa của Đỗ Hôi bị vướng cỏ, Đỗ Hôi ngã ngựa và bị Ngụy Khảo giết. Đêm hôm ấy, Ngụy Khảo nằm mơ thấy bố người vợ lẽ đến tạ ơn và nói : “Tôi cảm ơn ông không chôn sống con tôi, nên tôi đã kết cò làm cho Đỗ Hôi ngã ngựa”.

– Dương Bá đời Hán, lúc 9 tuổi bắt được con chim sẻ bị thương. Bá chăm sóc chim cho khỏe rồi thả ra. Sau chim đó ngậm bốn vành ngọc trắng đem đến tạ ơn.

**54. Lá lành đùm lá rách:**

Câu tục ngữ có hai vế đối lập lá lành, lá rách. Lá lành hàm chỉ người có đời sống khá, sung túc. Lá rách hàm chỉ người nghèo khổ. Từ lá và đùm cũng gợi ý về vật chất vì trong đời sống hàng ngày người ta đùm cơm, đùm bánh, đùm xôi thường dùng lá. Từ đùm cũng gợi ý đùm bọc, che chở, giúp đỡ. Câu thành ngữ này khuyên ta phải cứu mang, giúp đỡ lẫn nhau trong đời sống hàng ngày cũng như lúc hoạn nạn. Câu này cũng nói lên đạo lý tốt đẹp của ông cha ta.

**55. Lật đặt như sa vật ống vải:**

Câu này thường bị nói sai “lật đặt như ma vật ống vải”. Nghĩa câu này hàm ý chê trách việc vội vàng, hấp tấp. Khi kéo sợi vải, ta dùng cái sa để quay, con cúi sa bằng bông sẽ dùng mũi quay để kéo thành sợi. Ở mũi quay có ống vải để cuốn sợi. Mũi quay thường làm cho ống vải rung lật đặt.

**56. Lệnh ông không bằng công bà:**

Lệnh và công là hai dụng cụ bằng đồng dùng để báo hiệu. Có người nói câu này xuất hiện từ thời Bà Triệu khởi nghĩa. Ông Triệu Quốc Đạt là anh nhưng không được mọi người tin yêu bằng bà Triệu Thị Trinh. Mỗi khi nghe tiếng công của Bà Triệu thì binh sĩ ở mọi nơi đều tập hợp ở dưới cờ. Ngày nay, câu này được dùng với ý: vợ có quyền to hơn chồng trong một gia đình nào đó.

**57. May xống phải phòng khi cả dạ:**

Câu này khuyên ta phải nhìn xa trông rộng, tính trước mọi việc. Xống là váy. Người phụ nữ khi may váy phải tính toán để khi có thai, bụng to (cả dạ) vẫn mặc được.

**58. Mỏng mày hay hạt:**

Thành ngữ này thường dùng để chỉ người phụ nữ có khuôn mặt nhẹ nhõm xinh xắn, dáng người thon thả thất đáy lưng ong. Mày và hạt xuất phát từ việc chọn giống của nhà nông. Mày là cái vảy dính ở gốc hạt lúa, hạt ngô. Hề mỏng mày là hạt chắc, nếu dùng làm hạt giống rất tốt. Từ đó người phụ nữ mỏng mày hay hạt cũng hứa hẹn tương lai sẽ phát triển nòi giống tốt, ngoài các đức tính khác như đảm đang, tháo vát. Tục ngữ còn có câu:

*Khô chân gân mặt đất máy cũng mua*  
Phành phạch quạt mo cho không ai lấy

hoặc câu :

*Mặt nạc, đóm dày, mo nang trôi sấp chó cụt đuôi.*  
(Mặt nạc là mặt lấm thịt, chứng tỏ người không khôn ngoan),  
và câu :  
*Những người béo trực béo tròn,*  
*Ăn vụng như chóp đánh con cá ngày.*  
(Béo trực béo tròn đối lập với thất đáy lưng ong).

**59. Một đồng một cốt:**

Để hành nghề mê tín dị đoan, các ông đồng bà cốt thường gọi hồn, bắt ma, làm lễ giải hạn để kiếm tiền thiên hạ. Họ dùng nhiều mưu mẹo để lừa dối. Thành ngữ này để chỉ bọn người chuyên dối trá lừa đảo:

*Đà đao lập sẵn chước dùng*  
*Lạ gì một cốt một đồng xưa nay*  
(Truyện Kiều)

**60. Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ:**

Câu này nói lên mối tương quan giữa cá thể và cộng đồng. Để khuyên bảo về đạo lí, ông cha ta thường mượn vật để nói người như : “gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau”. “Một con ngựa đau” nói lên một cá thể bị hoạn nạn. Cả tàu bỏ cỏ nói lên sự thông cảm chia sẻ của đồng loại, tất cả các con ngựa trong chuồng đều không ăn cỏ vì thương cảm. Ở đây không nói lên sự giúp đỡ mà nói về tình cảm. Hiểu rộng ra, cả tàu còn nói cả làng, cả nước phải thương yêu đùm bọc lấy nhau: cùng đồng cam cộng khổ, chia ngọt xẻ bùi.

**61. Muôn chung nghìn tứ:**

Chung là cái hộc, đơn vị dùng để đong thóc ngày xưa. Tứ là cỗ xe có bốn ngựa kéo. Câu này chỉ bậc vương hầu khanh tướng, ăn lộc đến nghìn chung thóc, trong nhà có hàng nghìn cỗ xe ngựa.

*Một lời đã biết đến ta*  
*Muôn chung nghìn tứ cũng là có nhau*  
(Truyện Kiều)

**62. Nằm gai nếm mật:**

Câu này nói lên sự chịu đựng vất vả gian khổ để mưu việc lớn. Thời Xuân Thu ở Trung Quốc, Câu Tiễn là vua nước Việt bị Phù Sai là vua nước Ngô bắt làm tù binh, phải chịu mọi điều khổ nhục. Khi được thả về, Câu Tiễn thường nằm trên đệm gai, không ăn cao lương mỹ vị mà thường lấy tấm nhúng vào mật đắng để luôn nhắc nhở mình không quên mối thù xưa. Sau hai mươi năm chuẩn bị lực lượng, Câu Tiễn đã phục thù, đánh bại được Ngô Phù Sai.

**63. Năm thì mười họa:**

Trong tiếng Việt, thì còn đọc là thời (có nghĩa là lúc, thửa). Ví dụ: thời son trẻ, đương thì con gái, tứ thời, thời gian, thời tiết. Còn họa là từ thuần Việt có nghĩa là ít có, có chẳng. Ví dụ :

- *Sắc đành đòi một, tài đành họa hai* (Truyện Kiều)
- *Vào sinh ra tử họa là thấy nhau* (Truyện Kiều).

Đừng lầm với họa từ Hán. Họa là vẽ (họa sĩ), họa là đáp lại (họa vắn thơ), họa là tai vạ rủi ro (họa vô đơn chí)).

Thành ngữ năm thì mười họa có nghĩa là thỉnh thoảng, họa hoàn mới có:

*Năm thì mười họa hay chẳng chớ  
Một tháng đôi lần có cũng không.  
(Hồ Xuân Hương)*

**64. Ngựa quen đường cũ:**

Thành ngữ này vốn gốc ở thành ngữ Hán “Lõa mã thức đồ”. Do đâu có thành ngữ này? Chuyện Xưa kể rằng : Tề Hoàn Công đi đánh nước Cô Trúc. Lúc cất quân đi là mùa Xuân, lúc trở về đã là mùa đông, băng tuyết phủ đầy nên lạc đường. Quản trọng bèn tâu:

– Thưa bệ hạ, trí nhớ của ngựa già rất tốt. Xin để con ngựa già đi trước dẫn đường. Quả nhiên, ngựa đã tìm được đường về.

Trước kia, thành ngữ này được hiểu theo nghĩa: người có kinh nghiệm thường rất thành thạo sự việc. Ngày nay, thành ngữ này mang nghĩa xấu dùng để chỉ những người không chịu rời bỏ thói hư tật xấu.

**65. Nguồn đục thì dòng không trong, gốc cong thì cây không thẳng.**

Câu này vừa mang nghĩa đen, vừa mang nghĩa bóng. Nghĩa đen thì ai cũng hiểu. Nguồn nước có trong thì dòng nước mới trong, gốc cây có thẳng thì cây mới vươn thẳng lên được. Nhưng nghĩa bóng mới là nghĩa có tác dụng giáo dục mọi người. Trong một gia đình, bố mẹ phải làm gương tốt cho con cái. Nếu bố mẹ làm điều bậy (nguồn đục, gốc cong) thì con sẽ bị nhiễm thói xấu. Có một câu ca dao đầy chất châm biếm :

*Con ơi nghe lấy lời cha  
Một đêm ăn trộm bằng ba năm làm.*

Bố xấu như vậy thì con cũng sẽ thành trộm cắp. Trong gia đình, bố mẹ cần sống tốt để làm gương cho con cái.

**66. Nhất xương, nhì da, thứ ba dạc lò:**

Đây là thành ngữ chỉ nghề làm gốm sứ. Muốn có sản phẩm tốt phải chú ý ba yếu tố: xương, da, dạc lò. Xương là chất đất để nặn ra sản phẩm, da là chất men dùng tráng mặt ngoài của sản phẩm (có vài chục chất men để tạo màu sắc khác nhau), dạc lò là độ nóng của lửa nung. Cũng có người giải thích dạc lò là hình dáng lò nung. Lò nung phải xây đúng cách để khi nung, độ nóng tỏa đều khắp thì sản phẩm mới đẹp.

**67. Nhũn như chi chi:**

Thành ngữ này thường được dùng để chỉ thái độ nhũn nhùng sợ sệt hoặc bị lép vế trước kẻ khác. Chi chi là tên một loài cá nhỏ, thân rất mềm. Con chi chi bị vớt lên khỏi mặt nước thì chỉ một giờ sau đã nhũn, thân bị bầy ra. Chi chi dùng làm mắm rất tốt vì mau ngấu. Nhũn từ nghĩa đen (nát bầy ra) đã được dùng với nghĩa nhũn nhặn để chỉ thái độ con người.

**68. Nổi cơn tam bành:**

Nghĩa của thành ngữ này là nổi giận lên mà làm điều ác:

*Mụ nghe nàng mới hay tình  
Bây giờ mới nổi tam bành mụ lên.  
(Truyện Kiều)*

Theo thuyết của Đạo gia, trong con người có ba vị ác thần là Bành Kiêu, Bành Cự, Bành Chất. Ba vị này thường xui ta làm điều ác.

**69. Nghèo rút mùng toi:**

Khi ta nấu canh mùng toi, trong lá mùng toi có nhiều rút (nhớt) nên khi múc canh vào bát, mùng toi bị trơn tuột, không dính tí gì. Nghèo rút mùng toi là nghèo xơ nghèo xác không có chút của cải gì. Thành ngữ này cũng còn một cách giải thích khác. Mùng toi là phần trên của chiếc áo toi (phần dày nhất và khâu kỹ nhất). Áo toi thường làm bằng lá cọ hoặc lá đót. Khi áo toi rách thì mùng toi vẫn còn, dùng cho đến khi rút (rơi) hết mùng toi vẫn không có tiền mua áo khác, chứng tỏ nghèo lắm.

**70. Nói nhăng nói cuội:**

Nói nhăng nói cuội là nói vu vơ, hão huyền cũng như thành ngữ “*nói hươu nói vượn*”. Nhăng là từ cổ có nghĩa là băng nhăng qua quýt... Cuội là một nhân vật trong truyện kể dân gian, nổi tiếng nói dối (nói dối như cuội). Cũng có người cho rằng thành ngữ này là “nói giăng nói cuội” (Giăng là mặt trăng, chỉ ý xa vời, không thực tế). Dù hiểu cách nào thì nghĩa cũng giống nhau.

**71. Nồi da nấu thịt:**

Những người đi săn thú muốn làm thịt ăn ngay ở giữa rừng nhưng không có nồi. Họ thường lột da con thú căng ra làm nồi để nấu thịt con thú ấy. Câu này nói ý cùng ruột rà máu mủ mà làm hại lẫn nhau, giống câu “*vỏ đậu nấu đậu*”

**72. Nợ như chúa chổm:**

Chúa Chổm chính tên là Lê Ninh. Thời nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, là hoàng tử nhưng ông rất khéo. Tuy vậy, các quán ăn ở kinh đô, nếu được ông mở hàng thì rất đắt khách. Vì vậy, nhiều quán mời ông ăn chịu và ghi nợ. Khi được lên làm vua, (tức vua Lê Trang Tông) các chủ quán đến đòi nợ. Vua ra lệnh mở kho để trả nợ nhưng trả nhiều lần chưa hết vì có kẻ đòi nợ không. (Theo truyền thuyết, khi vua đi đạo, hễ đi vào phố Cẩm Chi thì không ai được theo đòi nợ nữa) (phố Cẩm Chi ở đầu phố Hàng Bông, gần Cửa Nam ngày nay).

**73. Nuôi ong tay áo:**

Trong thực tế, không ai nuôi ong ở tay áo cả vì ong dễ đốt vào người. Ong ở đây được dùng để chỉ kẻ xấu. Câu này mang ý nghĩa: nuôi dưỡng giúp đỡ kẻ xấu thì kẻ xấu có khi lại phản bội lại mình, làm hại mình. Tuy vậy cũng không nên hiểu một chiều. Thực tế, kẻ xấu cũng cần sự giúp đỡ, giáo dục để trở thành người tốt. Xã hội ta đã cải tạo được nhiều người xấu trở thành người hữu ích. Câu này chỉ dùng khi người nuôi dưỡng, giúp đỡ đã bị phản bội.

**74. Nước đục bụi trong:**

Thành ngữ này nói lên cảnh trái ngược, những việc làm bất đắc dĩ, trái với ý muốn: nước trong mà lại đục, bụi đục mà lại trong. Ví dụ:

*Lỡ làng nước đục bụi trong  
Trăm năm để một tấm lòng từ đây.*  
(Truyện Kiều)

Tục ngữ ta có câu “Chết trong còn hơn sống đục” để khuyên ta sống trong sạch, thà chết còn hơn làm điều phi nghĩa, bất lương.

**75. Ông chẳng bà chuộc:**

Sự tích xưa, có người đánh rơi viên ngọc, vợ chồng Chấu Chàng bắt được. Người ấy xin chuộc lại. Vợ đồng ý “chuộc thì chuộc”, chồng thì dứt khoát “chẳng chuộc”. Sự bất hòa của vợ chồng Chấu Chàng, do nhân dân tưởng tượng ra, đã tạo nên thành ngữ này để diễn đạt ý không thống nhất, không ăn khớp giữa người này với người khác. Nhiều thành ngữ như “*Trống đánh xuôi, kèn thổi ngược*”, “*Ông nói gà bà nói vịt*” cũng diễn đạt ý này.

**76. Quan xa nha gần: (Quan thì xa, bản nha thì gần)**

Nha là phòng giấy của các quan. Nha môn là cửa quan. Nha lại là những người làm việc ở phòng giấy các quan. Ngày trước, khi người dân có việc kêu kiện, bọn nha lại thường làm khó để để vôi tiền. Vì vậy mới có câu thành ngữ này.

**77. Ra môn ra khoai:**

Thành ngữ này có nghĩa là rành mạch, rõ ràng. Sở dĩ có thành ngữ này là vì cây khoai môn và cây khoai sọ rất dễ bị nhầm lẫn. Khoai môn là khoai có thân và lá dùng làm thức ăn cho lợn, củ ăn bị ngứa lưỡi, thân hình rất giống khoai sọ. Thành ngữ này thường bị nói lầm “ra ngô ra khoai”. Cây ngô và cây khoai không thể làm được.

**78. Rách như tổ đĩa:**

Có người tưởng tổ đĩa là tổ con đĩa. Cũng chưa ai biết con đĩa có tổ hay không. Tổ đĩa ở thành ngữ này là cây tổ đĩa, một loại cây thường mọc ở ven bờ ao. Cây tổ đĩa có lá như lá cây đinh lăng, trông lờm chờm và rách như xé ra từng mảnh nhỏ. Vì vậy, ai mặc rách rưới quá, người ta thường nói “rách như tổ đĩa.”

**79. Rối như bông bong:**

Nếu quan sát một người ngồi vót nan để đan rổ rá, ta thấy những xơ tre nửa mỏng cuộn xoắn vào nhau thành một mớ, khó gỡ ra được. Đó là mớ bông bong. Thành ngữ ta còn có câu: rối như tơ vò, rối như canh hẹ, rối như gà mắc tóc, rối tinh rối mù. Thành ngữ “rối như bông bong” dùng để chỉ tâm trạng hoặc sự việc khó gỡ ra được vì không tìm thấy đầu mối.

**80. Sáng tai họ, điếc tai cày:**

Thành ngữ này có nghĩa lười biếng, không chăm chỉ làm việc. Khi cày ruộng, người đi cày hô “họ” thì trâu đứng lại ngay, vì nó được nghỉ. Nếu hô “vất” thì phải kéo cày. Nguyễn Khuyến, trong bài “Anh giã điếc” có câu

*Trong thiên hạ có anh giã điếc  
Khéo ngờ ngờ, ngác ngác, ngỡ là ngây  
Chẳng ai ngờ: sáng tai họ điếc tai cày  
Lối điếc ấy sau này em muốn học.*

**81. Sầy đàn tai nghé:**

Thành ngữ này dùng để chỉ sự chia lìa, tan nát của một gia đình hoặc một tập thể nào đó khi mất người đứng đầu. Thành ngữ này bắt nguồn từ đời sống của bầy trâu rừng. Bầy trâu bao giờ cũng có những con trâu đực đầu đàn để chống chọi với thú dữ, bảo vệ cả đàn (thường có trâu cái và bầy nghé con). Nếu mất trâu đầu đàn thì cả đàn sẽ tan tác vì bị thú dữ ăn thịt dần. Sầy là từ cổ, có nghĩa là mất, chết. Tục ngữ có câu: “Sầy cha còn chú, sầy mẹ bú dãi”.

**82. Sơn cùng thủy tận:**

Đây là thành ngữ gốc Hán (cùng là cuối, tận là hết), nơi cuối dãy núi, hết nguồn nước, dùng để chỉ những nơi hẻo lánh, hoang vu. Một thành ngữ khác “*thâm sơn cùng cốc*” cũng để diễn đạt ý này. (Thâm sơn là núi sâu, cùng cốc là cuối hang núi)

**83. Sơn hào hải vị:**

Sơn hào là món ăn quý lấy từ động vật rừng như bàn chân gấu, lộc nhung. Hải vị là món ăn quý lấy từ biển như bào ngư, hải sâm... Thành ngữ này dùng để chỉ các món ăn sang trọng. Câu này gần nghĩa với câu “*Cao lương mỹ vị*” (cao là thịt béo, lương là gạo trắng, mỹ vị là ngon miệng)

**84. Sư tử Hà Đông - Giấm chua lửa nong:**

Các thành ngữ này đều dùng để chỉ những người phụ nữ hay ghen.

– Hà Đông là một địa danh Trung Quốc, tục truyền có nhiều sư tử và sư tử cái thường bắt nạt sư tử đực. Ông Trần Quý Thường, bạn thân của Tô Đông Pha, có bà vợ hay ghen. Tô Đông Pha liền làm bài thơ đùa bạn, trong đó có câu :

*Hốt kiến Hà Đông sư tử hồng  
Trụ trượng lạc phủ tâm mang nhiên.*

(chợt nghe tiếng sư tử Hà Đông rống lên. Đang chống gậy lòng hoảng hốt đánh rơi cả gậy).

– Vua nước kim rất yêu hai cung nữ. Trước khi mất, vua dặn phải chôn theo hai cung nữ đó. Hoàng hậu rất ghen, nên trước khi chôn hai cung nữ, đã đổ giấm vào quan tài để xác và xương mau tan, không thể hầu hạ được vua được. Lửa nong dịch từ Hỏa cang (nóng như hang đốt lửa) cũng để chỉ tính ghen. Từ điển Truyện Kiều của Đào Duy Anh giải thích lửa nong là chón lâu xanh (sống ở nơi ngột ngạt). Truyện Kiều có câu:

*Giấm chua lại tội bằng ba lửa nong.*

### 85. Sửa mũ vườn đào, sửa dép vườn dưa:

Khi đi qua vườn đào, dù mũ đội đầu có bị lệch cũng không nên giơ tay lên sửa mũ, sẽ bị ghi là hái chộm đào. Khi đi qua ruộng dưa, dù dép có bị đứt quai cũng đừng cúi xuống sửa, sẽ bị ghi là hái trộm dưa. Câu này ý nói tình ngay lý gian, khuyên ta nên đề phòng để tránh bị ngờ oan.

Qua: Dưa, trái dưa, như dưa hấu, dưa leo. Điền: ruộng. Lý: cây lý, cây mận. Hạ: dưới. Qua điền: ruộng dưa. Lý hạ: dưới cây lý. Thành ngữ trên nói đầy đủ là: *Qua điền bắt nạp lý, lý hạ bắt chỉnh quan*. Nghĩa là: Nơi ruộng dưa thì không nên xỏ giày, dưới cây lý thì không nên sửa nón.

### 86. Vén tay áo sô đốt nhà tang giấy

Áo sô là áo của người có đại tang (tang bố mẹ), nhà tang giấy là nhà làm bằng giấy có khung bằng nứa để đặt trên quan tài khi làm lễ tang. Khi ra đến huyệt, sau khi chôn cất xong, người ta thường đốt nhà tang giấy. Vén tay áo sô thì không khó gì vì áo sô bằng vải mỏng và rộng tay. Đốt nhà tang giấy cũng rất dễ. Câu này ý nói làm một việc rất dễ dàng chóng xong. (Thời xưa, chỉ nhà giàu mới làm nhà tang giấy. Các nhà thường dân dùng chung nhà tang bằng gỗ của phe giáp).

### 87. Vênh váo như khổ rợ phải lấm

Câu này thường bị nói nhầm thành “Vênh váo như bố vợ phải đấm”. Ngày trước, nhiều người nghèo đến mức không có vải để đóng khổ, phải dùng vỏ một loại cây, ngâm nước rồi đập thành mảng cho mềm để đóng khổ (chặn sui khổ rợ). Đóng khổ có yêu cầu là kín hai bên nhưng khổ rợ khi lấm bùn thì không mềm như vải mà cứng lại, tạo nên sự vênh váo.

Trong một cuộc tọa đàm ở Viện khoa học Giáo dục (1965), nhà văn Nguyễn Công Hoan cũng tán thành cách giải thích này nhưng ông còn nói thêm câu “*Vênh váo như bố vợ cậu ám*”. Cậu ám là con quan, người được thông gia với quan cũng để lên mặt, để vênh váo với thiên hạ lắm chứ. Chúng tôi xin nêu để bạn đọc tham khảo thêm.

### 88. Vung tay quá chán

Vung là động từ chỉ hoạt động nhanh, mạnh khi ném một vật gì. Vung còn đi với các từ vung vãi, vung phí. Quá chỉ ý vượt quá hơn mức bình thường như thái quá, quá trớn. Thành ngữ này nói lên sự vung phí tiền của thái quá so với mức cần thiết và có nhiều đặc điểm chung với thành ngữ “Ném tiền qua cửa sổ”. Song thành ngữ Vung tay quá chán có ý nghĩa và cách dùng rộng hơn nghĩa là không chỉ nói về chi tiêu hoang phí mà còn nói về bất kỳ sự chi dùng hoang phí nào.

### 89. Xấn tay quai cồng

Cồng là một loại chiêng nhỏ dùng để làm hiệu lệnh. Quai cồng thường là loại dây thừng to và bền. Khi đánh, một tay xách quai, một tay dùng để gõ vào mặt cồng. Người phụ nữ xưa mặc váy dài. Khi làm việc, họ phải buộc một dây thừng vào bụng và giắt cặp váy vào dây cho váy cao lên khoảng đầu gối để đỡ vướng. Thành ngữ này dùng để chỉ những người phụ nữ tháo vát, lam lũ. Cũng có khi dùng chỉ những người phụ nữ đánh đá. Nhà thơ Nguyễn Khuyến trong câu đối khóc vợ cũng có hình ảnh này: “*Nhớ bà xưa, xấn tay quai cồng, chân dẫm đá chân chiêu, vì tớ đỡ đần trong mọi việc*”.

### 90. Xấu như ma lem

Ở Trung Quốc ngày xưa có 4 người đẹp và 5 người xấu được ghi trong sử sách và truyền vào nước ta. Bốn người đẹp là: Tây Thi (đời Xuân Thu), Chiêu Quân (đời Hán), Điêu Thuyền (đời Tam Quốc), Dương Quý Phi (đời Đường). Năm người xấu nhất nước là: Mô Mầu (vợ hoàng đế Trung Hoa cổ đại), Chung Vô Diệm (vợ vua Tề Tuyên Vương thời Chiến Quốc), Mạnh Quang (vợ danh sĩ Lương Hồng đời Hậu Hán), Nguyên nữ (vợ danh sĩ Hứa Doãn đời Đông Tấn), Hoàng Thi (vợ Khổng Minh Gia Cát Lượng). Trong số này, Chung Vô Diệm là xấu nhất. Bà chính họ là Chung Li, tên là Xuân, người đất Vô Diệm, tỉnh Sơn Đông (chính bà này được người đời gọi xấu như ma lem). Sách xưa ghi lại hình dáng bà như sau: tóc đỏ, mắt xanh, môi dày, miệng rộng, bụng phệ, lưng gù, da sạm. Tại sao Tề Tuyên Vương lại lấy bà này làm chính phi? Bà rất tài trí, tinh thông văn võ. Năm 40 tuổi, bà xin gặp mặt vua. Chỉ trong một buổi đối thoại, Tề Tuyên Vương đã bị thuyết phục. Khi nhà vua hỏi về việc nước bà thưa “Nước Tề bị nước Tấn uy hiếp ở phía tây, nước Sở uy hiếp ở phía nam, đó là nguy cơ thứ nhất. Nhà vua làm nhọc sức dân, hao tiền tốn của, đó là nguy cơ thứ hai. Trong triều hiếm người hiền, trọng kẻ nịnh, đó là nguy cơ thứ ba. Đàng quân vương ham mê tửu sắc, không sửa sang chính trị trong nước, đó là nguy cơ thứ tư”. Trước những lời thẳng thắn, cương trực của Chung Li, Tề Tuyên Vương đã

bình tĩnh và nói : “*Nếu không có lời nói của nhà người thì quả nhân không bao giờ biết được lỗi lầm của mình*”. Vua liền lập Chung Vô Diệm làm chính phi để giúp mình trông coi việc nước. Câu chuyện này nhập vào nước ta cũng có ý sâu xa, vì bà này tuy nhan xấu nhưng công, ngôn, hạnh lại nổi bật.

#### 91. Xập xí xập ngầu

Đây là một thành ngữ gốc Hán, do Hoa kiều ở Quảng Đông, Phúc Kiến dùng và đã nhập vào kho thành ngữ tiếng Việt. Hoa Kiều phát âm là “xập xí xập ngầu” nhưng nếu đọc theo âm Hán Việt là “thập tứ thập ngũ” (mười bốn mười lăm). Nghĩa của thành ngữ này là: mười bốn nói là mười lăm, mười lăm nói là mười bốn, không minh bạch rõ ràng. Tiếng Việt có từ “ù xịa” cũng dùng để chỉ khái niệm này.

Từ ngữ gốc Hán đọc theo âm Quảng Đông có khá nhiều. Ví dụ :

- Lục tàu sá (lục đậu sa = chè đậu xanh).
- Mì chính (vị tinh = một loại tinh chất dùng làm gia vị).
- Bát bảo lường xà (bát bảo lương trà = một loại trà chế bằng 8 vị thuốc quý).